

Bản án số:25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Tiến

2. Ông Phạm Văn Quang

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Lua

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày ngày 03/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1974 - Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1974 - Có mặt.

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Anh Chu Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị L vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau ngày cưới, chị L về làm dâu nhà anh luôn. Vợ chồng sống chung với gia đình nhà anh được khoảng 4 năm, đến năm 1997 thì vợ chồng xin ra ở riêng tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được 20 năm đầu, không có mâu thuẫn gì lớn. Từ năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh làm ăn thua lỗ sinh ra chán nản, chơi bời. Chị L không quan tâm, động viên mà có thái độ coi thường anh. Chị L đi đâu và làm gì đều theo ý của mình không nói gì cho anh biết dẫn đến vợ chồng có xảy ra xô xát, anh có đánh chị L. Từ cuối năm 2013, mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, tài chính, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai.

Đến trước tết âm lịch năm 2017, Tòa án có gửi thông báo thụ lý đơn xin ly hôn cho anh nhưng chị L giấu không báo cho anh biết nên anh đã đuổi chị L ra khỏi nhà. Đầu tháng 01/2017, anh xác định không còn tình cảm với chị L nên đã làm đơn xin ly hôn chị L gửi Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Tại bản án số 15/2017/HNGĐ- ST, ngày 22/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã xử bác yêu cầu xin ly hôn của anh. Kể từ ngày bị xử bác đơn khởi kiện đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân nên anh đề nghị được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Văn T, sinh ngày 20/3/1996 và Chu Quang T1, sinh ngày 19/3/2008. Cháu T đã trưởng thành không đề cập giải quyết. Ly hôn, anh xin nuôi cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà 2 tầng diện tích 80m²/sàn, tổng diện tích 160m²; 01 gian bếp và công trình phụ xây gạch lợp tôn trên mảnh đất có diện tích 322 m² tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố đẻ anh là ông Chu Văn D, sinh năm 1953. Nguồn gốc đất là do các cụ để lại cho bố anh. Bố anh chưa sang tên cho vợ chồng anh thửa đất trên. Các tài sản khác gồm: 01 máy giặt Công nghiệp Electronic; 01 máy sấy Công nghiệp Electronic; 01 máy gặt liên hoàn.

Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn - Chị Phạm Thị L trình bày: Chị xác nhận một phần lời khai của anh T về thời điểm kết hôn, điều kiện như anh T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do anh T chơi bời, không chịu làm ăn về đến nhà là gây sự, cáu gắt với chị. Chị có nói chuyện khuyên bảo thì anh T đánh chửi, đuổi chị ra khỏi nhà. Tình trạng này xảy ra thường xuyên, cứ về nhà nhìn thấy chị là anh T đuổi. Chị thường xuyên phải đi ở nhờ nhà chú của anh T đến khi nào anh T nguôi giận thì chị lại về. Chị vẫn cố nhịn để chung sống với anh T cho gia đình được yên ấm, hạnh phúc, con cái đỡ khổ.

Từ cuối năm 2016, hàng ngày chị vẫn nấu cơm, phục vụ công việc cho gia đình nhưng anh T không ăn cùng gia đình. Vợ chồng bắt đầu làm ăn riêng, kinh tế không phụ thuộc vào nhau. Anh T đi làm cũng không đưa cho chị lo cho gia đình. Vợ chồng không dính dáng gì với nhau về kinh tế. Vợ chồng vẫn sống chung 1 nhà nhưng thân ai người đấy lo. Đến trước tết âm lịch năm 2017, anh T lại gây sự, đốt quần áo và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Đầu tháng 01/2017, anh T đã làm đơn xin ly hôn chị. Tại Bản án số 15/2017/HNGĐ-ST, ngày 22/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã xử bác yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Từ khi Tòa án xét xử đến nay, vợ chồng chồng vẫn mỗi người 1 nơi, chị sống nhà ngoại còn anh T sống ở nhà anh T. Khi có việc vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Nay chị xét thấy mâu thuẫn giữ vợ chồng chị chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng vẫn còn tình cảm, có thể thể hàn gắn được và không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Cháu T đã trưởng thành không đề cập nuôi dưỡng. Từ tháng 01/2017, anh T đánh, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị và cháu T1 phải đi ở nhờ nhà em trai chị. Đến tháng 5/2018, anh T xuống chửi bới và đòi đưa cháu T1 về. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tài sản chung của vợ chồng như anh T trình bày là đúng. Vì chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa:

Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị HĐXX cho anh được ly hôn chị L.

Về ý kiến của chị L tại phiên tòa nếu Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T thì chị nhận nuôi cháu Thức, không yêu cầu cấp dưỡng, anh T đồng ý.

Chị L xác nhận tình cảm vợ chồng đã không còn và ly thân từ lâu nhưng vì con chung chị muốn các con phải trưởng thành thì chị đồng ý ly hôn anh T. Chị đề nghị anh T cứ lấy vợ khác về cùng chung sống với chị, chị đồng ý, không ý kiến gì.

Về con chung: Nếu Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, chị xin được nuôi con chung là cháu T.

Các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T, chị không yêu cầu giải quyết.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị L đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị L nuôi con chung là Chu Quang T1, sinh ngày 19/3/2008, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị L do các bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh T và chị L kết hôn vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Đến nay cả hai bên đương sự đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, vợ chồng sống ly thân, ăn riêng, làm riêng từ rất lâu. Ngày 19/01/2017, anh Thuyết đã làm đơn xin ly hôn chị L. Tại bản án dân sự số 15/2017/HNGĐ-ST, ngày 22/5/2017 của TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã xử bác yêu cầu xin ly hôn của anh Thuyết. Kể từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn ăn riêng, ở riêng, làm kinh tế riêng và sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do chị L không đồng ý ly hôn là vì con chung còn nhỏ, khi nào cháu trưởng thành thì chị đồng ý là không chính đáng và không phù hợp với quy định của pháp luật. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Văn T, sinh ngày 20/3/1996 và Chu Quang T1, sinh ngày 19/3/2008. Cháu T đã trưởng thành các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu T1 các bên đều thỏa thuận khi ly hôn thì chị L trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T cũng đồng ý với đề nghị của chị L. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận này.

Các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị L HĐXX không xem xét giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí LHST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Chu Văn T. Cho anh Chu Văn T được ly hôn chị Phạm Thị L

Về con chung: Giao cho chị L nuôi dưỡng con chung Chu Quang T1, sinh ngày 19/3/2008, việc cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị L do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Chu Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003836 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh T được khấu trừ vào tiền án phí mà anh phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa